

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2019

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Chí Cường;

Ông Nguyễn Trung Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09-5-2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03-6-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Minh Đ**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Chị **La Thu H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-4-2019, bản tự khai nguyên đơn anh **Bùi Minh Đ trình bày:**

Vào ngày 08/4/2013, anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị **La Thu H**, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình sống chung anh chị có 01 con chung tên **Bùi Minh M**, sinh ngày 18/11/2015, đang sống chung với chị **H**.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Sau ngày cưới anh chị sống chung rất hạnh phúc, đến đầu năm 2015 chị H mang thai gần tới ngày sinh con chị H xin phép về thăm cha mẹ ruột ở ấp M, xã N và chờ ngày sinh con nhưng từ đó đến nay chị H không về sống chung với anh nữa và vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, thời gian ly thân anh chị không hàn gắn đoàn tụ được.

Anh Bùi Minh Đ yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Cho anh được ly hôn với chị La Thu H.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Bùi Minh M, sinh ngày 18/11/2015 cho chị H nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Minh Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 24-5-2019 bị đơn chị La Thu H trình bày:

Chị và anh Bùi Minh Đ kết hôn vào năm 2013 có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Cần Thơ, trong quá trình sống chung anh chị có 01 con chung tên Bùi Minh M, sinh ngày 18/11/2015 đang sống chung với chị.

Tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Vợ chồng sống chung tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cự cãi nên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, thời gian ly thân anh chị không hàn gắn đoàn tụ được, nay chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Minh M, sinh ngày 18/11/2015, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị La Thu H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Minh Đ cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Trích lục kết hôn bản sao; Giấy khai sinh con (photo); 01 chứng minh nhân dân tên Bùi Minh Đ; 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Anh Bùi Minh Đ và chị La Thu H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Minh Đ đồng ý giao con chung tên Bùi Minh M, sinh ngày 18/11/2015 cho chị La Thu H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị H không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bùi Minh Đ và chị La Thu H thống nhất khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị La Thu H có hộ khẩu thường trú ở huyện T theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Minh Đ và chị La Thu H kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị H. Bị đơn chị H cũng thống nhất ly hôn với anh Đ. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị H.

[3] *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung tên Bùi Minh M, sinh ngày 18/11/2015 đang sống chung với chị H. Anh Đ thống nhất giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của anh Đ và chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị H không có yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Bùi Minh Đ và chị La Thu H thống nhất khai không có nên không giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh Đ.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Minh Đ và chị La Thu H.

2. Về con chung: Anh Bùi Minh Đ đồng ý giao con chung tên Bùi Minh M, sinh ngày 18/11/2015 cho chị La Thu H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Bùi Minh Đ và chị La Thu H thống nhất khai không có, nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Bùi Minh Đ và chị La Thu H thống nhất khai không có, nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Minh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002523, ngày 09-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Bùi Minh Đ đã nộp đủ án phí.

Chị La Thu H không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Chấm